

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VL  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2021/DS-ST

Ngày: 23 - 9 - 2021

V/v tranh chấp Yêu cầu xác định quyền sở hữu,  
quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VL, TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Phan Công Trí**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Phạm Văn Sáu**.

2. Ông **Đào Văn Vĩnh**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Huỳnh Ngọc Nhiều**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:**  
Bà **Nguyễn Thị Ngọc Hân**, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện VL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 120/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2021/QĐXX-DS ngày 16 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

*\* Nguyên đơn:*

1. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1960 (có mặt).

2. Bà **Dương Thị Thu H**, sinh năm 1960. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1960 (văn bản ủy quyền ngày 30/6/2020) (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B2, xã Châu Thới, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

*\* Bị đơn:* Ông **Huỳnh Thanh X**, sinh năm 1954 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B2, xã Châu Thới, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Trần Thị V**, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B2, xã Châu Thới, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

2. Chị **Huỳnh Mộng U**, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Trung Hưng II, xã Vĩnh Hưng, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

3. Anh **Huỳnh Mộng C**, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B2, xã Châu Thới, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

4. Anh **Huỳnh Kh**, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B2, xã Châu Thới, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

5. Chị **Huỳnh Mộng Ngh**, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Hoàng Quân II, xã Hưng Thành, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và bà Dương Thị Thu H ngày 05/6/2020 và ngày 27/7/2020 trình bày: Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2019/DS-ST và Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2019/DS-ST cùng ngày 26/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện VL buộc ông Huỳnh Thanh X có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 6.883.895 đồng và trả cho bà Dương Thị Thu H số tiền 8.889.125 đồng và lãi suất phát sinh trong quá trình thi hành án. Ông Huỳnh Thanh X không tự nguyện thi hành án. Tại Quyền sử dụng đất diện tích 14.467m<sup>2</sup> thuộc thửa 186, tờ bản đồ số 2 và Quyền sử dụng đất diện tích 2.929m<sup>2</sup> thuộc thửa 222, tờ bản đồ số 2, cùng tọa lạc tại ấp B2, xã Châu Thới, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu do UBND huyện VL cấp cho Hộ ông Huỳnh Thanh X ngày 30/9/2005, trên phần đất có căn nhà của ông X và bà Trần Thị V. Ông Nguyễn Văn T và bà Dương Thị Thu H yêu cầu xác định phần quyền sở hữu, sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung của từng người trong khối tài sản của Hộ ông Huỳnh Thanh X để thi hành án.

Theo ông Huỳnh Thanh X là bị đơn trong vụ án trình bày: Quyền sử dụng đất diện tích 14.467m<sup>2</sup> thuộc thửa 186, tờ bản đồ số 2 và Quyền sử dụng đất diện tích 2.929m<sup>2</sup> thuộc thửa 222, tờ bản đồ số 2, cùng tọa lạc tại ấp B2, xã Châu Thới, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu do UBND huyện VL cấp cho Hộ ông Huỳnh Thanh X ngày 30/9/2005, trên phần đất có căn nhà của ông X và bà Trần Thị V xây cất khoảng năm 1998-1999 với diện tích hơn 100m<sup>2</sup> (ngang 7m, dài 21m đến 22m), kết cấu nhà: nền lót gạch, vách tường, mái lợp tole. Tất cả tài sản gồm quyền sử dụng đất và căn nhà là do ông và bà V tạo dựng, các con dù có tên chung hộ nhưng không có đóng góp công sức hay tài sản gì vào khối tài sản này. Trước đây, giữa ông và ông T, bà H có vụ kiện tại Tòa án nhân dân huyện VL và Tòa án buộc ông có trách nhiệm bồi thường cho ông T, bà H tổng số tiền 15.773.020 đồng, nhưng ông không đồng ý việc bồi thường và không chấp nhận việc phát mãi tài sản của cơ quan thi hành án để bồi thường cho ông T, bà H.

Theo bà Trần Thị V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông Huỳnh Thanh X về tài sản chung, trách nhiệm bồi thường cho ông T, bà H.

Theo chị Huỳnh Mộng Ngh là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Tất cả tài sản là nhà và quyền sử dụng đất mà ông Nguyễn Văn T, bà Dương Thị Thu H yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án là tài sản của cha mẹ chị là ông Huỳnh Thanh X và bà Trần Thị V. Chị không có công sức đóng

góp trong việc tạo lập, gìn giữ, tôn tạo những tài sản này và cũng không có yêu cầu gì trong vụ án. Đồng thời, chị xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ cho anh Huỳnh Mộng C, anh Huỳnh Kh, chị Huỳnh Mộng U. Nhưng anh chị vắng mặt không có lý do, không gửi bất kỳ chứng cứ, ý kiến cho Tòa án.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VL phát biểu ý kiến:**

+ Về thủ tục tố tụng: Tòa án thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị V, Huỳnh Mộng Ngh đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 68, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Nguồn gốc nhà, đất là do ông Huỳnh Thanh X, bà Trần Thị V được Nhà nước thực hiện chính sách trang trải ruộng đất, nhận chuyển nhượng và tạo lập. Thời điểm ông X được cấp quyền sử dụng đất, các con ông bà không có đóng góp, không cùng nhau tạo lập nên khối tài sản này. Căn cứ vào Điều 213 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T và bà Dương Thị Thu H, chia quyền sử dụng đất và căn nhà gắn liền trên đất làm 02 phần cho ông X và bà V.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền: Chi cục Thi hành án Dân sự huyện VL đã thông báo đến Hộ của ông Huỳnh Thanh X về việc cưỡng chế thi hành án, thông báo về việc thỏa thuận phân chia tài sản hoặc yêu cầu Tòa án phân chia tài sản để thi hành án đến Hộ ông Huỳnh Thanh X, thông báo về việc yêu cầu Tòa án phân chia tài sản để thi hành án đến ông Nguyễn Văn T, bà Dương Thị Thu H là người được thi hành án, nhưng các đương sự phải thi hành án không tự phân chia và không yêu cầu hay khởi kiện ra Tòa án để phân chia tài sản chung để thi hành án nên người được thi hành án yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung để thi hành án, tài sản yêu cầu phân chia là quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất theo quy định khoản 14 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 74 của Luật Thi hành án dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp B2, xã Châu Thới, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VL theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Huỳnh Mộng C, anh Huỳnh Ka, chị Huỳnh Mộng U đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do, chị Huỳnh Mộng Ngh xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng anh Huỳnh Mộng C, anh Huỳnh Kh, chị Huỳnh Mộng U, chị Huỳnh Mộng Ngh theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AD 264638 diện tích 14.467m<sup>2</sup> thuộc thửa 186, tờ bản đồ số 2 và Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AD 264641 diện tích 2.929m<sup>2</sup> thuộc thửa 222, tờ bản đồ số 2, cùng tọa lạc tại ấp B2, xã Châu Thới, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu do UBND huyện VL cấp cho Hộ ông Huỳnh Thanh X ngày 30/9/2005 (bút lục 11, 15).

[3.2] Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp, nhưng ông Huỳnh Thanh X không hợp tác, có hành vi cản trở nên Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản đã không tiến hành được (bút lục 80-82). Vì vậy, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.3] Tại Công văn số 1219/UBND-NC ngày 29/4/2021 của UBND huyện VL xác định Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AD 264638 và Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AD 264641 do UBND huyện VL cấp cho Hộ ông Huỳnh Thanh X ngày 30/9/2005, do trong quá trình cấp đổi từ cá nhân ông Huỳnh Thanh X ghi nhầm (sai sót) thành Hộ ông Huỳnh Thanh X (bút lục 101).

[3.4] Tại Đơn xin cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/4/2005 của ông Huỳnh Thanh X, thể hiện nguồn gốc sử dụng đất là do Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất nhưng nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất (bút lục 56). Cũng tại Biên bản lấy lời khai ông Huỳnh Thanh X và bà Trần Thị V ngày 12/9/2021 xác định: Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AD 264638 diện tích 14.467m<sup>2</sup> thuộc thửa 186, tờ bản đồ số 2 và Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AD 264641 diện tích 2.929m<sup>2</sup> thuộc thửa 222, tờ bản đồ số 2, cùng tọa lạc tại ấp B2, xã Châu Thới, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu do UBND huyện VL cấp cho Hộ ông Huỳnh Thanh X ngày 30/9/2005, trên phần đất này có một căn nhà xây cất khoảng năm 1998-1999 với diện tích hơn 100m<sup>2</sup> (ngang 7m, dài 21m đến 22m), kết cấu nhà: nền lát gạch, vách tường, mái lợp tole. Tất cả tài sản gồm quyền sử dụng đất và căn nhà là do ông X và bà V tạo dựng, các con dù có tên chung hộ nhưng không có đóng góp hay cùng nhau tạo lập nên khối tài sản này (bút lục 125-126).

[3.5] Tại Công văn số 01/CAX ngày 24/12/2020 (bút lục 93) và Công văn số 02/CAX ngày 31/5/2021 (bút lục 102) của Công an xã Châu Thới xác định hộ ông Huỳnh Thanh X (Huỳnh Văn X) gồm: Huỳnh Thanh X (Huỳnh Văn X), Trần Thị V, Huỳnh Mộng Ư, Huỳnh Mộng C, Huỳnh Kh, Huỳnh Mộng Ngh. Mặc dù, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Huỳnh Mộng C, anh Huỳnh Kh, chị Huỳnh Mộng Ư đúng theo quy định pháp luật, nhưng anh chị vắng mặt, không gửi bất kỳ chứng cứ hoặc thể hiện ý kiến của anh chị đối với yêu cầu của ông T, bà H. Ông X không cho cơ quan chức năng xem xét, thẩm định tài sản tranh chấp. Điều này cho thấy các đương sự đã từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự, mọi hậu quả pháp lý bất lợi các đương sự phải tự gánh chịu theo quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 70 và khoản 1 Điều 72, khoản 1 Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nếu sau này phát sinh tranh chấp quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, các đương sự C, Kh, Ư có quyền khởi kiện thành một vụ án dân sự khác theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.6] Từ sự phân tích trên, có thể xác định Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AD 264638 diện tích 14.467m<sup>2</sup> thuộc thửa 186, tờ bản đồ số 2 và Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AD 264641 diện tích 2.929m<sup>2</sup> thuộc thửa 222, tờ bản đồ số 2 cùng do UBND huyện VL cấp cho Hộ ông Huỳnh Thanh X ngày 30/9/2005 và căn nhà trên đất xây cất khoảng năm 1998-1999 với diện tích hơn 100m<sup>2</sup> (ngang 7m, dài 21m đến 22m), kết cấu nhà: nền lót gạch, vách tường, mái lợp tole, tọa lạc tại ấp B2, xã Châu Thới, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu là tài sản của vợ chồng ông Huỳnh Thanh X và bà Trần Thị V. Trong đó, ông Huỳnh Thanh X, bà Trần Thị V mỗi người có phần quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất là 50% trên tổng số tài sản chung này theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 1 Điều 102, khoản 1 Điều 212, Điều 213, khoản 2 Điều 219 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của ông T, bà H được chấp nhận, nên ông Huỳnh Thanh X phải chịu 1.120.000 đồng (Một triệu một trăm hai mươi ngàn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ông T, bà H đã chi 1.120.000 đồng xong, ông Huỳnh Thanh X có trách nhiệm hoàn lại cho ông T, bà H số tiền này theo quy định tại khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Tố tụng Dân Sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch:

[5.1] Do yêu cầu khởi kiện của ông T, bà H đối với ông X được chấp nhận, nên ông X phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, ông X là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 của Luật Người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

5.2. Ông T, bà H không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005411 ngày 19/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VL, tỉnh Bạc Liêu nên được hoàn lại theo quy định tại khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

6. Như đã phân tích, có căn cứ chấp nhận toàn bộ lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 5, khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3, khoản 5 Điều 70, khoản 1 Điều 72, khoản 1 Điều 73, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 102, khoản 1 Điều 212, Điều 213, khoản 2 Điều 219 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 2 của Luật Người cao tuổi; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 1, khoản 2

Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và bà Dương Thị Thu H về việc Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án đối với Hộ ông Huỳnh Thanh X.

**2.** Xác định phân quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất của Hộ ông Huỳnh Thanh X như sau:

**2.1.** Ông Huỳnh Thanh X có phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất là 50% trên: Diện tích 14.467m<sup>2</sup> thuộc thửa 186, tờ bản đồ số 2 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AD 264638 và diện tích 2.929m<sup>2</sup> thuộc thửa 222, tờ bản đồ số 2 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AD 264641, do UBND huyện VL cấp cho Hộ ông Huỳnh Thanh X ngày 30/9/2005, cùng căn nhà trên đất xây cất khoảng năm 1998-1999 với diện tích hơn 100m<sup>2</sup> (ngang 7m, dài 21m đến 22m), kết cấu nhà: nền lót gạch, vách tường, mái lợp tole, tọa lạc tại ấp B2, xã Châu Thới, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

**2.2.** Bà Trần Thị V có phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất là 50% trên: Diện tích 14.467m<sup>2</sup> thuộc thửa 186, tờ bản đồ số 2 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AD 264638 và diện tích 2.929m<sup>2</sup> thuộc thửa 222, tờ bản đồ số 2 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AD 264641, do UBND huyện VL cấp cho Hộ ông Huỳnh Thanh X ngày 30/9/2005, cùng căn nhà trên đất xây cất khoảng năm 1998-1999 với diện tích hơn 100m<sup>2</sup> (ngang 7m, dài 21m đến 22m), kết cấu nhà: nền lót gạch, vách tường, mái lợp tole, tọa lạc tại ấp B2, xã Châu Thới, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

**3.** Về chi phí tố tụng: Ông Huỳnh Thanh X phải hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T, bà Dương Thị Thu H số tiền 1.120.000 đồng (Một triệu một trăm hai mươi ngàn đồng).

**4.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

**4.1.** Ông Huỳnh Thanh X được miễn nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

**4.2.** Ông Nguyễn Văn T, bà Dương Thị Thu H được hoàn lại 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005411 ngày 19/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VL, tỉnh Bạc Liêu tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

**5.** Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**6.** Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (23/9/2021). Đương sự vắng mặt được

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện VL, tỉnh Bạc Liêu;
- CCTHADS huyện VL, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

(Đã ký)

**Lê Phan Công Trí**